

# CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ BÍ SÔ NI TỲ NẠI DA

## QUYỂN 5

*Học Xứ Thứ Năm: XÚC CHẠM*

Duyên khởi ở thành Thất-la-phiệt, lúc đó Thế tôn vẫn chưa chế các Bí-sô ni không nên ở A-lan-nhã, như Thế tôn dạy: Nay Ta vì lợi ích thương xót các Thanh văn, việc cần nên làm đều đã làm xong, các đệ tử cũng nên tác ý rằng: Hãy nương nơi A-lan-nhã hoặc bên gốc cây nơi chỗ yên tĩnh hoặc trong núi hang, trong am cỏ hoặc chỗ đất trống trụi trong tịnh lự chớ có buông lung Để-sau này hối hận, đây là giáo huấn của Ta. Cho nên các Bí-sô ni đều trụ nơi A-lan-nhã để tĩnh tâm, lúc đó ni Liên-hoa-sắc khi chưa xuất gia, chưa lìa dục nhiễm dung mạo đoan chánh hơn người, người nam nào muốn cùng cô hoan lạc phải mang đến năm trăm kim tiền. Lúc đó có một Bà-la-môn tử say mê Liên-hoa-sắc nhưng lại không có đủ tiền, Liên-hoa-sắc bảo phải đi kiếm đủ tiền mang đến, Bà-la-môn tử đó bèn đi làm thuê để kiếm đủ tiền. Thời gian sau Liên-hoa-sắc nhờ cụ thợ Đại Mục-kiền-liên khai ngộ nên đoạn pháp ác đã làm, xuất gia đoạn phiền não lìa dục nhiễm chứng được giải thoát an lạc thành A-la-hán, từ đó Liên-hoa-sắc thường vào trong rừng tối lặng lẽ tu tập thiền định, thợ giải thoát lạc. Thời gian sau Bà-la-môn tử kia làm thuê kiếm được đủ số năm trăm kim tiền trở lại tìm Liên-hoa-sắc thì nghe nói Liên-hoa-sắc đã xuất gia, liền mang số tiền này tìm đến chùa ni hỏi thăm Liên-hoa-sắc. Sau khi biết Liên-hoa-sắc đang ở trong khu rừng tối liền vào trong rừng tìm, thấy cô đang ngồi tĩnh lặng dưới một gốc cây, Bà-la-môn tử cầm tiền đến trước cô nói: “Nay tôi mang tiền đủ số đến đây, cô hãy cùng tôi hoan lạc”, Liên-hoa-sắc nói: “Này Bà-la-môn tử, pháp ác này tôi đã từ bỏ rồi. Người ở nơi thân tôi thấy cái gì hấp dẫn mà lại sanh tâm đắm nhiễm?”, Bà-la-môn tử nói: “Tôi yêu thích con mắt của Thánh giả”, Liên-hoa-sắc liền dùng thần thông

móc trông mắt để trong lòng bàn tay nói rằng: “Bây giờ người ở nơi cục thịt này có còn yêu thích nữa không?”, Bà-la-môn tử nổi giận nói: “Nữ sa môn trọc đầu này làm trò huyền thuật”, nói xong liền dùng nắm tay đánh vào đầu cô rồi bỏ đi. Liên-hoa-sắc đem việc này bạch các Bí-sô ni, các Bí-sô ni đem bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật bảo các Bí-sô: “Ví như cục thịt vứt nơi ngã tư đường chim thú đều tụ tập, người nữ cũng như vậy. Từ nay các Bí-sô ni không nên ở nơi A-lan-nhã”.

Sau khi Phật chế ngăn các Bí-sô ni không nên ở nơi A-lan-nhã, các Bí-sô ni liền vào trong thành Thất-la-phiệt ngồi tĩnh lặng ở giữa ngã tư đường, lại bị các người nam xấu ác bức não. Các Bí-sô ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật nói: “Chư ni nên ở trong chùa ni”. Lúc đó trong thành có trưởng giả Tỳ-xá-khư lòng tin sâu đậm hỏi chư ni cần gì, các Bí-sô ni kể lại sự việc trên, trưởng giả nói: “Các Thánh giả, tôi có một trú xứ rộng rãi, khi nào xây chùa xong xin các Thánh giả thương xót đến đó ở”. Thời gian sau chư ni đều đến trú xứ của trưởng giả Tỳ-xá-khư ở, trưởng giả hằng ngày đến kính lễ các Bí-sô ni, ni Châu-kế-Nan-đà thấy trưởng giả tướng mạo đoan nghiêm nên sanh tâm ái nhiễm, một hôm giả bệnh nằm trong phòng, trưởng giả như thường lệ sáng sớm đến trong chùa kính lễ chỉ thấy có một ni giữ chùa, các vị khác đều ra ngoài khát thực, vừa định ra về thì ni Châu-kế-Nan-đà ở trong phòng cất tiếng rên. Tỳ-xá-khư nghe tiếng rên liền hỏi vị ni giữ chùa là ai rên rồi vào trong phòng hỏi thăm: “Thánh giả có bệnh khổ gì?”, đáp: “Bệnh khổ của tôi khó bề nói được”, trưởng giả nói: “Vì sao không tìm thầy trị liệu?”, đáp: “Bệnh này không trị được”, liền hỏi: “Thuốc khó được hay sao?”, đáp: “Không khó, chỉ là nguyện cầu của tôi không thể được”, trưởng giả nói: “Thánh giả đã là người xuất gia thì phải suốt đời nhờ người khác cung cấp tứ sự cần dùng, như Thế tôn đã dạy là nên nhận từ tịnh nhơn. Thánh giả cần chi cứ nói, tôi sẽ cúng dường đầy đủ”. Châu-kế-Nan-đà nói: “Đúng như lời trưởng giả nói, người biết pháp cũng cần chiêm chước liệu lường”, trưởng giả nghe rồi tâm sanh kính trọng gấp bội khen Bí-sô ni là người thiếu dục, liền nói kệ:

*“Con đối với Thánh giả,  
Nay phát tâm tịnh tín,  
Dù cần thịt nơi thân,  
Con cũng có thể cúng”.*

Lúc đó Châu-kế-Nan-đà nói lời tỏ tình đòi hỏi cùng làm pháp ác, trưởng giả nghe rồi bịt tai nói rằng: “Thánh giả không nên nói với con

lời này”, Châu-kế-Nan-đà nói: “Ông cũng có ý thích, chỉ là nói gượng mà thôi”, trưởng giả muốn bỏ đi, Châu-kế-Nan-đà liền nói: “Nếu không chấp thuận cùng làm phi pháp thì hãy đến ôm tôi”, trưởng giả bèn đến ôm Châu-kế-Nan-đà. Lúc đó các ni khát thực trở về vào phòng nhìn thấy, Tỳ-xá-khư xấu hổ cúi đầu bỏ ra về, các Bí-sô ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi Châu-kế-Nan-đà: “Cô thật đã làm việc không đoan nghiêm như thế phải không?”, đáp: “Thật vậy, Thế tôn”, Phật quở trách: “Việc mà cô đã làm không phải là pháp của nữ Sa môn, không phải là hạnh tùy thuận, không thanh tịnh...”, quở trách rồi bảo các Bí-sô ni: “Ta quán mười công đức lợi nơi Tỳ-nại-da của Thanh văn ni chế học xứ này như sau: Nếu lại có Bí-sô ni tự có tâm nhiễm, khởi tâm thọ lạc cùng với người nam có tâm nhiễm, từ mắt trở xuống, từ đầu gối trở lên, hai thân xúc chạm nhau hoặc cực kỳ xúc chạm thì Bí-sô ni này cũng phạm Ba-la-thị-ca không được cùng ở chung”.

Nếu lại có Bí-sô ni là chỉ cho ni có tâm nhiễm, bị dục nhiễm trói buộc. Cùng với người nam có tâm nhiễm là người nam cũng có tâm dục.

Từ mắt trở xuống, từ đầu gối trở lên là giới hạn nơi thân phần. Khởi tâm thọ lạc xúc chạm nhau là thọ xúc lạc.

Cực kỳ xúc chạm là xúc chạm nhau lâu.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nếu Bí-sô ni có tâm nhiễm cùng người nam cũng có tâm nhiễm, từ mắt trở xuống, từ đầu gối trở lên, hai thân xúc chạm nhau... thì mắc tội căn bản. Nếu Bí-sô ni có tâm nhiễm cùng người nam không có tâm nhiễm, hai thân xúc chạm nhau thì phạm Tốt-thổ-la-đề. Nếu Bí-sô ni không có tâm nhiễm cùng người nam có tâm nhiễm hay không có tâm nhiễm, khi xúc chạm cô ni có tâm đề phòng thì không phạm. Nếu Bí-sô ni bệnh, người nam xoa chà thân, ni khởi tâm nhiễm thì phạm Ác-tác; không khởi tâm nhiễm thì không phạm; bị bệnh não hại trói buộc thì không phạm.

*Nhiếp Tụng Văn Giới Trên:*

*“Cả hai có tâm nhiễm,  
Từ mắt đến đầu gối,  
Nếu hai thân xúc chạm,  
Đều mắc tội Căn bản.  
Nếu ni có tâm nhiễm,  
Nam tử không ý dâm,*

*Ni cùng kia xúc chạm,  
 Ni phạm tội Thổ-la.  
 Cả hai không tâm nhiễm,  
 Hoặc nam có tâm nhiễm,  
 Nếu khi ni xúc chạm,  
 Tâm đề phòng, không phạm.  
 Bí-sô ni bệnh hoạn,  
 Nam tử vì xoa bóp,  
 Nếu ni khởi tâm nhiễm,  
 Sẽ phạm tội Ác-tác.*

#### *Học Xứ Thứ Sáu: TÁM VIỆC THÀNH PHẠM*

Phật ở thành Thất-la-phiệt, trong thành có một nam tử bán hương tướng mạo đoan nghiêm cưới vợ chưa bao lâu, Ni-thổ-la-nan-đà thấy liền sanh tâm nhiễm hỏi: “Anh đã có vợ chưa, vợ anh hình tướng như thế nào, hai người có thương yêu nhau không?”, đáp: “Đạo tục khác nhau, Thánh giả cần gì biết điều đó”, Thổ-la-Nan-đà cứ nói những lời trêu chọc tình tứ khiến cho người nam này sanh tâm đắm nhiễm, cả hai cùng ước hẹn gặp nhau ở trong chùa nơi cửa phòng của Thổ-la-Nan-đà, trước khi trở về chùa Thổ-la-Nan-đà dặn người nam bán hương: “Khi vào chùa anh không nên làm động chuông”. Đến chiều tối người nam này theo lời đã ước hẹn vào trong chùa đến cửa phòng của Thổ-la-Nan-đà, Thổ-la-Nan-đà liền mở cửa cho vào và bảo trốn dưới gầm giường. Lúc đó các ni khác đến phòng thỉnh bạch, Thổ-la-Nan-đà ra giáo thọ xong trở vào, người nam này thấy ni trở vào liền từ dưới gầm giường chui ra, Thổ-la-Nan-đà quên tưởng là kẻ trộm định la lên, người nam này nói: “Tôi không phải là kẻ trộm mà chính là người đã cùng ước hẹn”, nói rồi liền bồng Thổ-la-Nan-đà đặt lên giường. Lúc đó cô ni tự nghĩ: “Ta là người đứng đầu trong chúng, thu phục được mọi người là nhờ giới đức, nếu ta phá thì la thì không còn gì nữa, mọi người biết việc ta làm đều sẽ từ bỏ ta”, nghĩ rồi liền bảo người nam buông ra, người nam này vừa buông ra thì cô ni liền đập vào ngực người nam khiến ngã nhào xuống đất hộc máu. Thổ-la-Nan-đà liền chạy ra ngoài lớn tiếng kêu: “Tôi đã hàng phục được ma và đã xô ngã được oán địch”, các ni nghe liền chạy tới hỏi: “Cô đã đắc quả A-la-hán rồi sao?”, đáp là không được, lại hỏi: “Cô đã chứng được quả Bất hoàn hay Nhất lai hay Dự lưu?”, đáp là không được, liền hỏi: “Cô đã làm nhiều phẩm vật cúng dường để thỉnh Thế tôn phải không?”, đáp là không có thỉnh, liền hỏi: “Nếu vậy thì

cô đã làm việc gì?”. Thổ-la-Nan-đà liền chỉ người nam bán hương nói rằng: “Người này vào trong phòng tôi, tôi đã đập khiến cho học máu”, các ni nghe rồi liền nói: “Cô nếu không dẫn vào thì người ấy làm sao vào được. Cô đã làm nghiệp ác, chúng tôi không tùy hỉ”. Các Bí-sô ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi Thổ-la-Nan-đà: “Cô thật đã làm việc phi pháp này phải không?”, đáp: “Thật vậy, Thế tôn”, Phật quở trách: “Cô đã làm hạnh bất tịnh, không phải là việc tùy thuận, không phải là hạnh của nữ Sa môn, không phải là việc nên làm của người xuất gia...”, quở trách rồi bảo các Bí-sô ni: “Ta quán mười công đức lợi nơi Tỳ-nại-da của Thanh văn ni chế học xứ này như sau: Nếu lại có Bí-sô ni tự có tâm nhiệm cùng người nam có tâm nhiệm làm tám việc: Dựa kê, cười nói, hẹn chỗ đến, định giờ đến, hiện tướng, người nam đến đi trong lòng chấp thuận, ở chỗ có thể cùng làm việc phi pháp, buông thân nằm xuống, tám việc như vậy cùng nhau lãnh thọ thì Bí-sô ni này cũng phạm Ba-la-thị-ca không được cùng ở chung.”

Nếu lại có Bí-sô ni là chỉ cho Ni-thổ-la-nan-đà hoặc Bí-sô ni khác giống như vậy. Cùng người nam có tâm nhiệm là cả hai đều có tâm nhiệm trói buộc nhau. Hiện tướng là như nói khi thấy tôi mới cạo tóc, mặc y, tay bưng bát... thì biết là việc thành tựu. Người nam đến đi trong lòng chấp thuận là yêu thích nhau. Phi xứ là ở chỗ có thể làm việc hành dâm phi pháp. Buông thân nằm là cùng giao hội. tám việc như thế cùng lãnh thọ là làm tám việc trên đều với tâm nhiệm.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nếu làm bảy việc trước, mỗi việc đều phạm Tốt-thổ-la-để, làm việc thứ tám thì phạm tội Căn bản.

*Nhiếp Tụng Văn Giới Trên:*

*“Trạo cửi và cười nói,  
Hẹn chỗ và định giờ,  
Hiện tướng, người đến đi,  
Chỗ khuất, buông thân nằm,  
Bảy việc trước tội Thô,  
Việc thứ tám tội trọng.*

#### *Học Xứ Thứ Bảy: CHE GIẤU TỘI NGƯỜI KHÁC*

Duyên khởi và nơi chốn giống như giới trước, lúc đó có Bí-sô ni Thiện-hữu vu báng cụ thọ Thật-lực-tử, tự nói tội nên bị chúng tấn xuất phải hoàn tục. Cô có một người em gái là ni Tiểu hữu lúc ở chỗ các ni

khác thấy có đồ chúng cùng giáo thọ cho nhau, cô liền nói với các ni: “Chị tôi nếu không hoàn tục cũng sẽ giáo thọ đồ chúng như vậy”, các ni nói: “Cần gì nói đến tên của cô ni phá giới này”, Tiểu hữu nói: “Thánh giả, trước kia tôi đã biết chị tôi phạm tội Tha-thắng nhưng vì thân quyến nên tôi không nói ra, như có bài tụng:

*“Tuy thấy lỗi oan gia,  
Nhơn giả còn không nói,  
Huống chi là thân quyến,  
Đâu nỡ nói việc riêng”.*

Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các ni hỏi rõ sự thật, quả trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni trước đã biết Bí-sô ni khác phạm tội Tha-thắng nhưng không nói ra, sau đó cô ni kia hoặc chết hoặc hoàn tục hoặc đi nơi khác mới nói rằng: “Ni chúng nên biết, trước đây tôi đã biết cô ni này phạm tội Tha-thắng”, thì Bí-sô ni này cũng phạm tội Tha-thắng.

Nếu lại có Bí-sô ni là chỉ cho ni Tiểu hữu hoặc có ni khác giống như vậy. Biết là tự biết hay người khác nói cho biết. Phạm Tha-thắng là phạm một trong tám tội thuộc Tha-thắng mà che giấu. Không nói ra là không cử tội.

Trong học xứ này tương phạm như thế nào?:

Nếu Bí-sô ni biết sự việc như vậy mà che giấu, không cử tội thì cũng phạm tội Tha-thắng.

#### *Học Xứ Thứ Tám: TÙY THUẬN NGƯỜI BỊ CỬ*

Duyên khởi và nơi chôn giống như giới trước, lúc đó Tăng già hòa hợp tác pháp yết ma Xả trí và chúng Bí-sô ni cũng tác pháp không lễ kính cho Bí-sô Căn bản..., Bí-sô này muốn đến trong Tăng biểu hiện sự cung kính mong cầu giải tội, Ni-thổ-la-nan-đà nói với Bí-sô này: “Thánh giả định đi đâu, nay con muốn kính lễ”, Bí-sô nói: “Tôi bị Xả trí, nay muốn đến trong Tăng cầu giải tội”, Thổ-la-Nan-đà nói: “Thánh giả là dòng họ Thích xuất gia, tại sao lại cực khổ cầu sám tạ. Thánh giả cần gì con đều sẽ cung cấp, hãy cứ an tâm đọc tụng tác ý”... Các ni đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật bảo các Bí-sô ni: “Hãy tác pháp can gián riêng Ni-thổ-la-nan-đà”, các ni vâng lời Phật can Thổ-la-Nan-đà rằng: “Cô há không biết Tăng đã tác pháp yết ma Xả trí và chúng ni cũng đã tác pháp yết ma không lễ kính cho Bí-sô Căn bản hay sao, tại sao cô lại còn cung cấp y bát và các vật dụng

khiến cho không thiếu thốn, cô hãy bỏ việc tùy thuận người bị cử”. Khi can như vậy Ni-thổ-la-nan-đà vẫn không chịu bỏ, các Bí-sô ni đem việc này bạch Phật, Phật bảo các Bí-sô ni: “Hãy Bạch-tứ-yết-ma can Thổ-la-Nan-đà”, các ni vâng lời Phật Bạch-tứ-yết-ma can, Bạch-tứ-yết-ma xong Thổ-la-Nan-đà vẫn không chịu bỏ, các Bí-sô ni bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các ni hỏi rõ sự thật, quở trách rồi chế học xứ này như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni biết Tăng già hòa hợp tác pháp yết ma Xả trí và chúng Bí-sô ni cũng đã tác pháp yết ma không lễ kính cho Bí-sô kia. Bí-sô kia muốn ở trong Tăng biểu hiện sự cung kính cầu mong được cứu vớt, tự ở trong giới xin giải yết ma Xả trí. Bí-sô ni nói với Bí-sô kia rằng: “Thánh giả chớ nên ở trong Tăng cầu giải yết ma, con sẽ cung cấp y bát và các tư cụ cho Thánh giả không để thiếu thốn, Thánh giả cứ yên tâm đọc tụng tác ý”. Các Bí-sô ni nên can Bí-sô ni này: “Cô há không biết Tăng đã tác pháp yết ma Xả trí và chúng ni cũng đã tác pháp yết ma không lễ kính cho Bí-sô kia, Bí-sô kia muốn ở trong Tăng cầu giải tội tại sao cô lại cung cấp y thực cho Bí-sô kia không để thiếu thốn, cô hãy bỏ việc tùy thuận này đi”. Khi các Bí-sô ni can như vậy, cô ni kia chịu bỏ thì tốt, không chịu bỏ thì nên Bạch-tứ-yết-ma can khiến cho bỏ việc đó, nếu chịu bỏ thì tốt, nếu không chịu bỏ thì Bí-sô ni kia phạm Ba-la-đề-ca không được cùng ở chung.

Nếu lại có Bí-sô ni là chỉ cho Ni-thổ-la-nan-đà hoặc có ni khác giống như vậy. Bí-sô kia là Bí-sô trong pháp luật này.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nếu Bí-sô ni biết Tăng đã tác pháp yết ma Xả trí và chúng ni cũng đã tác pháp yết ma không lễ kính Bí-sô kia, mà còn nói những lời tùy thuận trên thì phạm Ác-tác. Nếu khi can chịu bỏ thì tốt, nếu không chịu bỏ thì phạm Tốt-thổ-la-để. Khi bạch tứ can từ tác bạch cho đến yết ma lần thứ ba, không chịu bỏ đều phạm tội Thô, yết ma lần thứ tư chưa xong mà bỏ thì cũng phạm tội Thô, nếu yết ma xong thì phạm tội Tha-thắng.

Các đại đức, tôi đã nói tám Pháp Tha-thắng xong, Bí-sô ni phạm một pháp nào trong các pháp này đều không được cùng các Bí-sô ni khác ở chung, như trước kia và sau này cũng vậy, phạm tội Tha-thắng không được cùng ở chung. Nay hỏi các đại đức trong đây có thanh tịnh không? (3 lần).

Các Đại đức, trong đây thanh tịnh vì im lặng. Tôi nay nhớ giữ như thế.

Các đại đức, đây là hai mươi pháp Tăng-già-phạt-thi-sa, mỗi nửa tháng nói một lần từ trong Giới kinh rút ra.

*Tổng Nhiếp Tụng:*

*“Mai mối và hai báng,  
Hai nhiệm, bốn một mình,  
Chồng bỏ, khế ước, giải,  
Hai tránh, tạp, ở riêng,  
Phá tăng, thuận theo bạn,  
Ô gia và ác tánh,  
Chúng giáo có hai mươi,  
Tám Pháp can ba lần.”*

## I. TĂNG GIÀ BÀ THI SA

### *Học Xứ Thứ Thất: MAI MỐI*

Duyên khởi và nơi chốn giống như giới trước, lúc đó chúng mười hai ni tự làm việc mai mối, đem ý của người nam nói với người nữ, đem ý của người nữ nói với người nam cho đến nam nữ tư thông cũng làm mai mối tác hợp. Các ngoại đạo đều chê trách: “Các Sa môn Thích nữ này đã làm việc không nên làm, cũng làm mai mối có khác gì thế tục. Ai lại mang thức ăn cúng sáng trưa cho các Sa môn nữ trọc đầu này chứ”, các ni nghe biết đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm các Bí-sô ni hỏi chúng mười hai ni: “Các cô thật đã làm việc mai mối, đem ý người nam nói với người nữ, đem ý người nữ nói với người nam... phải không?”, đáp: “Thật vậy, Thế tôn”, Phật quở trách: “Các cô không phải là nữ Sa môn, không phải là hạnh tùy thuận, không phải hạnh thanh tịnh, không phải thiện oai nghi, không phải là việc mà người xuất gia nên làm”, quở trách rồi chế học xứ như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni làm việc mai mối, đem ý người nam nói với người nữ, đem ý người nữ nói với người nam hoặc để thành vợ chồng hoặc thành việc tư thông dù chỉ trong giấy lát, Bí-sô ni này phạm Tăng-già-phạt-thi-sa.

Nếu lại có Bí-sô ni là chỉ cho chúng mười hai ni hoặc có ni khác giống như vậy. Nói mai mối là làm sứ giả qua lại cho hai bên. Đem ý của người nam nói với người nữ, đem ý của người nữ nói với người nam tức là truyền đạt ý của hai bên để tác thành việc vợ chồng hay việc tư thông. Có bảy loại vợ và mười loại tư thông, bảy loại vợ gồm có vợ thủy



thọ, vợ tài sính, vợ vương kỳ, vợ tự lạc, vợ y thực, vợ cộng hoạt và vợ tu du.

*Nhiếp Tung:*

*Bảy vợ là thủy thọ,  
Tài sính, vương kỳ đượ,  
Tự lạc, y thực trụ,  
Cộng hoạt và tu du.*

Sao gọi là vợ thủy thọ? Do cha mẹ của người nữ không lấy tài vật sính lễ, chỉ dùng nước rót vào trong tay của chàng rể nói rằng: “Nay ta đem con gái ta gả cho con, con phải khéo tự phòng hộ, đừng để người khác khinh phạm”, nên gọi là vợ thủy thọ. Sao gọi là vợ tài sính? Do cha mẹ của người nữ nhận sính lễ của chàng rể mới gả con gái cho, nên gọi là vợ tài sính. Sao gọi là vợ vương kỳ? Do vua dòng Sát-đế-łợi thủy nhiều đầu vương (pháp quán đảnh khi lên ngôi vua) đem binh chinh phạt nước nào không thần phục, khi chiến thắng nói với binh lính rằng: “Cho tùy ý chọn người nữ làm vợ”, do quyền lực của vua nên được chọn người nữ làm vợ nên gọi là vợ vương kỳ. Lại có trường hợp chúa giặc đánh phá thành ấp bắt người nữ làm vợ cũng gọi là vợ vương kỳ. Sao gọi là vợ tự lạc? Do người nữ tự tìm đến người nam mà mình yêu thương nói rằng: “Tôi vui lòng làm vợ chàng”, nếu người nam chấp nhận thì gọi là vợ tự lạc. Sao gọi là vợ y thực? Do người nữ tìm đến người nam có tiền của nói rằng: “Nếu chàng cung cấp cho tôi y thực, tôi sẽ về làm vợ chàng”, nếu người nam chấp nhận thì gọi là vợ y thực. Sao gọi là vợ cộng hoạt? Do người nữ tìm đến người nam nói rằng: “Tài sản của tôi và tài sản của chàng sẽ hợp làm một nếu chúng ta sống chung với nhau”, nếu người nam chấp nhận thì gọi là vợ cộng hoạt. Sao gọi là vợ tu du? Tức là làm vợ tạm thời.

Mười loại tư thông là mười loại người nữ đã được bảo hộ, đó là cha bảo hộ, mẹ bảo hộ, anh em bảo hộ, chị em bảo hộ, đại công bảo hộ, đại gia bảo hộ, người thân bảo hộ, chủng tộc bảo hộ, dòng họ bảo hộ và vương pháp bảo hộ.

*Nhiếp Tung:*

*Mười hộ là cha mẹ,  
Anh em và chị em,  
Đại công và đại gia,  
Thân, chủng, tộc, vương pháp.*

Sao gọi là cha bảo hộ? Tức là người nữ chồng chết hoặc bị bắt trói, giam cầm hoặc trốn đi nên người cha bảo hộ người nữ này. Mẹ

bảo hộ cũng vậy. Sao gọi là anh em bảo hộ? Tức là người nữ cả cha mẹ và chồng đều qua đời hoặc bị thất lạc tứ tán nên đến nương ở với anh em, được anh em bảo hộ. Chị em bảo hộ cũng vậy. Sao gọi là Đại công (cha chồng) bảo hộ? Tức là người nữ cha mẹ tôn thân đều qua đời, còn chồng thì bình hoạn hay bị điên cuồng lưu lạc, phải nương ở với cha chồng, người cha chồng này bảo con dâu rằng: “Con hãy vui sống ở cạnh ta, ta sẽ thương con như là con ruột của ta”, nên gọi là đại công như pháp bảo hộ. Đại gia (chủ nhân) bảo hộ cũng vậy. Sao gọi là Thân bảo hộ? quyến thuộc từ bảy đời trở lại gọi là Thân, qua bảy đời không còn gọi là Thân. Do người nữ cả cha mẹ, anh em, chị em và phu chủ đều qua đời hoặc bị điên cuồng lưu lạc xứ khác, phải đến nương ở với người thân trong họ hàng, nên gọi là Thân bảo hộ. Sao gọi là Chủng bảo hộ? Có bốn chủng tộc là Bà-la-môn, Sát-đế-lợi, Bệ-xá và Thủ-đạt-la, người nữ đến nương ở trong chủng tộc của mình thì gọi là Chủng bảo hộ. Sao gọi là Tộc-bảo-hộ? Trong mỗi chủng tộc có các dòng tộc sai khác như tộc Phả-la-đọa, tộc Đổ-cao-thiếp-bà-sai..., người nữ nương ở trong dòng tộc của mình thì gọi là Tộc bảo hộ. Sao gọi là Vương pháp bảo hộ? Do người nữ trong thân tộc không con ai, chỉ một thân đơn độc phải nhờ vào vương pháp bảo hộ mới không bị người khác khinh phạm, nên gọi là vương pháp bảo hộ. Lại có trường hợp người nữ góa bụa giữ tiết hạnh trinh tâm nên không ai dám khinh phạm, cũng gọi là Vương pháp bảo hộ. Tăng-già-phạt-thi-sa như đã giải thích ở các giới trên.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Như trước những phụ nữ có tướng trạng ly biệt gồm bảy loại:

*Nhiếp Tụng:*

*Đang và sau khi gây,  
Bẻ cổ và quăng gạch,  
Y pháp, không phải vợ (tôi),  
Nói cho nhiều người biết.*

Đối với các loại người nữ kể trên có bảy trường hợp ly biệt:

- Một là lúc đang gây gỗ liền chia tay (ly biệt).
- Hai là sau khi gây gỗ xong liền chia tay.
- Ba là giận nhau bẻ cổ làm ba đoạn để chia tay.
- Bốn là giận nhau quăng gạch về ba hướng để chia tay.
- Năm là y pháp đối trước thân quyến nói chia tay.
- Sáu là nói rõ ràng người này không phải là vợ tôi để chia tay.
- Bảy là nói cùng khắp cho mọi người biết là đã chia tay nhau.

Trong bảy loại vợ từ vợ thủy thọ cho đến vợ tu du, nếu Bí-sô ni

thấy người tục đối với ba loại người vợ đầu (vợ thủy thọ, vợ tài sinh và vợ vương kỳ) vì gây gổ gay gắt mà chia tay nhau, ở trong bảy trường hợp ly biệt kể trên nếu thuộc trường hợp thứ một làm cho họ hòa hiệp lại thì phạm một Ác-tác; nếu thuộc trường hợp thứ hai làm cho hòa hiệp lại thì phạm hai Ác-tác; nếu thuộc trường hợp thứ ba làm cho hòa hiệp lại thì phạm ba Ác-tác; nếu thuộc ba trường hợp bốn, năm, sáu làm cho hòa hiệp lại thì theo thứ tự phạm một, hai, ba tội thô; nếu thuộc trường hợp ly biệt thứ bảy cố gắng làm cho họ hòa hiệp lại thì Bí-sô ni phạm Tăng-tàn. Đối với bốn loại người vợ sau (từ vợ Tự lạc cho đến vợ Tu du) và mười loại tư thông (tức là mười loại người nữ được bảo hộ) ở trong bảy trường hợp ly biệt tùy theo trường hợp nào cố gắng làm cho họ hòa hiệp thì Bí-sô ni đều phạm Tăng-tàn.

*Nhiếp Tụng:*

*Tự nhận, nhận từ sứ,  
Hai Bí-sô, bốn oai nghi,  
Trước sau cùng tùy hành,  
Tôn ty, duyên và sự.*

1. Tự nhận lời: Nếu Bí-sô ni tự nhận lời làm mai mối, tự đến nói và tự trở về báo lại thì phạm Tăng-già-phạt-thi-sa. Nếu Bí-sô ni tự nhận lời, tự đến nói và sai người trở về báo lại thì phạm Tăng-già-phạt-thi-sa. Nếu Bí-sô ni tự nhận lời, sai người đến nói và tự trở về báo lại thì phạm Tăng-già-phạt-thi-sa. Nếu Bí-sô ni tự nhận lời, sai người đến nói và sai người trở về báo lại thì phạm Tăng-già-phạt-thi-sa.

2. Nhận lời qua sứ giả: Nếu Bí-sô ni nhận lời mai mối qua sứ giả, tự đến nói và tự trở về báo lại; hoặc nhận lời qua sứ giả, tự đến nói và sai người trở về báo lại; hoặc nhận lời qua sứ giả, sai người đến nói và tự trở về báo lại; hoặc nhận lời qua sứ giả, sai người đến nói và sai người trở về báo lại đều phạm Tăng-già-phạt-thi-sa.

3. Hai Bí-sô ni nhận lời: Nếu hai Bí-sô ni nhận lời làm mai mối, cả hai cùng đến nói và cùng trở về báo lại thì cả hai đều phạm Tăng-tàn. Nếu hai Bí-sô ni nhận lời, cả hai cùng đến nói nhưng cả hai đều không trở về báo lại thì cả hai đều phạm hai tội thô. Nếu hai Bí-sô ni nhận lời, cả hai đều không đến nói và cả hai đều không trở về báo lại thì cả hai đều phạm một tội thô. Nếu hai Bí-sô ni nhận lời, một người nói: “Cô đến đó truyền đạt ý của tôi rồi trở về báo lại”, người kia làm theo lời dặn thì cả hai đều phạm Tăng-tàn. Nếu hai Bí-sô ni nhận lời, một người nói: “Tôi chỉ đến nói chớ không trở về báo lại”, người kia phải trở về báo lại. Người đến nói và trở về báo lại thì phạm Tăng-tàn; người

không trở về báo lại thì phạm hai tội thô. Nếu hai Bí-sô ni nhận lời, một người nói: “Tôi không đến nói cũng không trở về báo lại”, người kia phải đến nói và trở về báo lại thì phạm Tăng-tàn; người không đến nói và không trở về báo lại thì phạm một tội thô.

4. Cùng đi đường nhận lời mai mối: Nếu một Bí-sô ni cùng một nam một nữ đi trên đường, người nam nói với Bí-sô ni: “Thánh giả có thể nói với người nữ ấy rằng: Cô có thể làm vợ người nam này hoặc tạm thời cùng ở chung được không?”, hoặc người nữ nói với Bí-sô ni rằng: “Thánh giả có thể nói với người nam ấy rằng: Cậu có thể làm chồng người nữ này hoặc tạm thời cùng ở chung được không?”. Nếu Bí-sô ni nhận lời nói giúp rồi báo tin lại thì phạm Tăng-tàn. Đi đã như vậy thì ba oai nghi còn lại đứng, nằm ngồi cứ theo đây có thể biết. Nếu có hai Bí-sô ni đi cùng hai nam hai nữ, hoặc ba Bí-sô ni đi cùng ba nam ba nữ... nhận lời làm mai mối, định tội cũng như trên.

5. Trước sau cùng đi: Nếu hai Bí-sô ni một người đi trước một người đi sau, người đi trước nhận lời làm mai mối, đến nói rồi trở về báo lại thì người đi trước phạm Tăng-tàn; người đi sau không phạm. Nếu Bí-sô ni đi trước nhận lời rồi bảo Bí-sô ni đi sau đến nói, biết được kết quả rồi Bí-sô ni đi trước tự trở về báo lại thì Bí-sô ni đi trước phạm hai tội thô, Bí-sô ni đi sau phạm một tội thô. Nếu Bí-sô ni đi trước nhận lời, tự đến nói rồi sai Bí-sô ni đi sau trở về báo lại thì Bí-sô ni đi trước phạm hai tội thô, Bí-sô ni đi sau phạm một tội thô. Nếu Bí-sô ni đi trước nhận lời rồi sai Bí-sô ni đi sau đến nói và trở về báo lại thì Bí-sô ni đi sau phạm hai tội thô; Bí-sô ni đi trước phạm một tội thô. Như Bí-sô ni đi trước, Bí-sô ni đi sau tùy việc đã làm phạm tội nhiều ít như trên nên biết. Bí-sô ni đi sau sai Bí-sô ni đi trước tùy việc đã làm phạm tội nhiều ít như trên nên biết.

6. Đối với địa vị cao thấp nhận lời mai mối: Có hai gia đình trưởng giả, một tự tại và một không tự tại. Tự tại là tự làm chủ đối với nam nữ của mình, tùy tình lấy cho; nếu đến quan ty hoặc ở giữa đám đông người dù nói việc hư dối, người ta vẫn tin theo nên gọi là tự tại. Không tự tại là do địa vị thấp kém, đối với nam nữ của mình không có thể lực lấy cho; nếu đến quan ty hay ở giữa đám đông người, dù nói việc thật người ta cũng không tin theo nên gọi là không tự tại.

Bí-sô ni ở bên người tự tại nhận lời làm mai mối, đến nói với người tự tại rồi trở về báo lại với người tự tại thì phạm Tăng-tàn. Bí-sô ni ở bên người tự tại nhận lời, đến nói với người tự tại rồi trở về nói lại với người không tự tại thì phạm hai tội thô và một Ác-tác. Bí-sô ni ở bên người tự tại nhận lời, đến nói với người không tự tại rồi trở về báo

lại với người tự tại thì phạm hai tội thô và một Ác-tác. Bí-sô ni ở bên người tự tại nhận lời, đến nói với người không tự tại rồi trở về báo lại với người không tự tại thì phạm một tội thô và hai Ác-tác. Bí-sô ni ở bên người không tự tại nhận lời, đến nói với người không tự tại rồi trở về báo lại với người tự tại thì phạm hai Ác-tác và một tội thô. Bí-sô ni ở bên người không tự tại nhận lời đến nói với người tự tại rồi trở về báo lại với người không tự tại thì phạm hai Ác-tác và một tội thô. Bí-sô ni ở bên người không tự tại nhận lời, đến nói với người tự tại rồi trở về báo lại với người không tự tại thì phạm hai tội thô và một Ác-tác. Bí-sô ni ở bên người không tự tại nhận lời, đến nói với người không tự tại rồi trở về báo lại với người không tự tại thì phạm ba Ác-tác.

7. Có ba duyên làm mai mối: Bí-sô ni có ba duyên để làm việc mai mối, đủ ba duyên này không cần dùng lời báo tin lại cũng thành tựu việc mai mối, phạm Tăng-tàn: Một là chỗ hẹn, hai là giờ hẹn và ba là hiện tượng. Sao gọi là chỗ hẹn? Tức là nói với người kia rằng: “Nếu thấy tôi ở trong vườn \_\_, hoặc trong miếu thờ trời hoặc chỗ đông người thì liền biết việc mai mối đã thành tựu”. Sao gọi là giờ hẹn? Tức là nói với người kia rằng: “Nếu vào bữa ăn sáng hoặc giữa trưa hoặc xế chiều trông thấy tôi thì liền biết việc mai mối đã thành tựu”. Sao gọi là hiện tượng? Tức là nói với người kia rằng: “Nếu thấy tôi mới cạo tóc hoặc mặc đại y mới, hoặc cầm tích trượng hay bưng bát đựng đầy tô hay dĩa thì liền biết việc mai mối đã thành tựu”.

8. Có ba việc làm sứ mai mối cũng thành tựu việc mai mối: Một là dùng lời nói, hai là dùng thư từ, ba là dùng thủ ấn. Nếu Bí-sô ni nhận lời làm sứ giả mai mối, dùng lời đến nói và dùng lời trở về báo lại thì phạm Tăng-tàn. Nếu Bí-sô ni nhận lời làm sứ giả mai mối, dùng lời đến nói và dùng thư gửi về báo lại thì phạm Tăng-tàn. Nếu Bí-sô ni nhận lời làm sứ giả mai mối, dùng thư gửi đến nói và dùng lời trở về báo lại thì phạm Tăng-tàn. Nếu Bí-sô ni nhận lời làm sứ mai mối, dùng thư gửi đến nói hoặc dùng chỗ hẹn hoặc giờ hẹn hoặc hiện tượng để báo tin lại đều phạm Tăng-tàn. Trường hợp này gọi là làm sứ mai mối kiêm dùng thư có năm loại sai biệt.

Nếu Bí-sô ni nhận lời làm sứ mai mối, dùng lời đến nói và dùng lời trở về báo lại thì phạm Tăng-tàn. Nếu Bí-sô ni nhận lời làm sứ mai mối, dùng lời đến nói và dùng thủ ấn gửi về báo lại thì phạm Tăng-tàn. Nếu Bí-sô ni nhận lời làm sứ mai mối, dùng thủ ấn gửi đến nói và dùng lời trở về báo lại thì phạm Tăng-tàn. Nếu Bí-sô ni nhận lời làm sứ mai

mối, dùng thủ ấn gửi đến nói và dùng thủ ấn gửi về báo lại thì phạm Tăng-tàn. Nếu Bí-sô ni nhận lời làm sứ mai mối, dùng thủ ấn gửi đến nói và dùng chỗ hẹn hoặc dùng giờ hẹn hoặc hiện tướng để báo tin lại đều phạm Tăng-tàn. Trường hợp này là làm sứ mai mối kiêm dùng thủ ấn có năm loại sai biệt. Như vậy đối với lời nói kiêm thư từ và thủ ấn có tới hai mươi lăm cách khác nhau, đối với thư từ kiêm lời nói và thủ ấn, hoặc đối với thủ ấn kiêm lời nói và thư từ gồm có nhiều cách hỗ tương khi làm sứ mai mối. Nếu Bí-sô đến nhà thí chủ nói rằng: “Người con gái này đã trưởng thành sao không lấy chồng, hoặc người con trai này đã lớn sao không lấy vợ?”, đều phạm Ác-tác. Trường hợp không phạm là người phạm ban đầu hoặc cuồng si tâm loạn, bị thống não bức bách.

#### *Học Xứ Thứ Hai: VU BÁNG KHÔNG CĂN CỨ*

Duyên khởi và nơi chốn giống như giới trước, lúc đó Ni-thổ-la-nan-đà do tranh cãi lẫn xằng nên khiến trong ni chúng sanh phiền não. Thổ-la-Nan-đà đem pháp Tha-thắng không căn cứ vu báng Bí-sô ni khiến cho ni này không được an lạc trụ, bỏ phế việc tu nghiệp thiện và việc tu tập thiền định vì trong lòng ưu não. Các Bí-sô đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quở trách rồi chế học xứ này như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni trong lòng sân hận không nguôi, cô ý đem pháp Ba-la-thị-ca không căn cứ vu báng Bí-sô ni thanh tịnh, muốn làm hoại tịnh hạnh của vị ấy. Thời gian sau dù có người hỏi hay không có người hỏi, biết việc này là không căn cứ vu báng Bí-sô ni kia, vì sân hận nên cố ý nói như thế thì Bí-sô ni này phạm Tăng-già-phạt-thi-sa .

Nếu lại có Bí-sô ni là chỉ cho Thổ-la-Nan-đà và ai khác giống như vậy. Trong lòng sân hận là tình sanh phần nộ. Bí-sô ni thanh tịnh là người trong pháp luật này. Đem pháp không căn cứ là không dựa trên ba việc thấy nghe nghĩ. Tránh có bốn loại: Bàn luận tránh, phi ngôn tránh, phạm tránh và sự tránh.

#### *Học Xứ Thứ Ba: MƯỜN CĂN CỨ VU BÁNG*

Duyên khởi và nơi chốn giống như trước, lúc đó Ni-thổ-la-nan-đà dùng pháp tương tợ vu báng Bí-sô ni... giống như trong giới trên cho đến câu Phật chế học xứ này như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni trong lòng sân hận không bỏ, dùng pháp Ba-la-thị-ca phi phần khác, chỉ là pháp tương tợ vu báng Bí-sô ni thanh tịnh, muốn làm hoại tịnh hạnh của vị ấy. Thời gian sau dù có người hỏi hay

không có người hỏi, biết việc đó là việc phi phần khác chỉ là pháp tướng tợ để vu báng Bí-sô ni kia, vì sân hận nên nói như thế, thì Bí-sô ni này phạm Tăng-già-phạt-thi-sa.

Nếu lại có Bí-sô ni là chỉ cho Thổ-la-Nan-đà hoặc có ai khác giống như vậy. Phi phần khác: Chữ khác trong đây chỉ cho Niết-bàn vì trái với sanh tử; tám Pháp Ba-la-thị-ca không phải là phần kia.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào:

Nếu vu báng Bí-sô ni thanh tịnh có mười việc thành phạm và năm việc không phạm. Mười việc thành phạm là không thấy việc ấy, không nghe, không nghi liền khởi tưởng hư dối: Thật không thấy... mà vọng nói là có thấy..., khi nói ra lời này phạm Tăng-già-phạt-thi-sa. Hoặc nghe mà quên, nghi mà quên, khởi hiểu biết như vậy, khởi tưởng như vậy nói rằng: Tôi nghe nghi không quên, khi nói lời này phạm Tăng-già-phạt-thi-sa. Hoặc nghe mà tin hay nghe không tin mà nói là tôi thấy; hoặc nghe mà nghi hay nghe không nghi hoặc chỉ tự mình nghi mà nói là tôi thấy, khi nói lời này phạm Tăng-già-phạt-thi-sa. Năm việc không thành phạm là người kia không thấy, không nghe, không nghi, hiểu biết có thấy..., khởi tưởng có thấy... nên nói là tôi thấy... thì không phạm. Hoặc nghe mà quên, nghi mà quên, nghi tưởng có nghe mà nói là tôi nghe cũng không phạm. Vu báng người thanh tịnh có mười việc thành phạm và năm việc không thành phạm, vu báng người thanh tịnh tợ như không thanh tịnh cũng giống như vậy.

Nếu vu báng người không thanh tịnh có mười một việc thành phạm và sáu việc không phạm. Mười một việc thành phạm là không thấy, không nghe, không nghi, hiểu biết như vậy, khởi tưởng như vậy, thật không thấy... mà vọng nói là tôi thấy..., khi nói lời này phạm Tăng-già-phạt-thi-sa. Hoặc thấy mà quên hay nghe mà quên, nghi mà quên, hiểu biết như vậy, khởi tưởng như vậy mà nói là thấy... không quên, khi nói lời này phạm Tăng-già-phạt-thi-sa. Hoặc nghe mà tin hay nghe không tin mà nói là tôi thấy; hoặc nghe mà nghi hay nghe không nghi hoặc chỉ tự mình nghi mà nói là tôi thấy, khi nói lời này phạm Tăng-già-phạt-thi-sa. Sáu việc không phạm là người kia không thấy, không nghe, không nghi, hiểu biết có thấy..., khởi tưởng có thấy... nên nói là tôi thấy... thì không phạm. Hoặc thấy mà quên hay nghe mà quên, nghi mà quên, hiểu biết có thấy, khởi tưởng có thấy mà nói là tôi thấy... cũng không phạm. Nếu vu báng người tợ như thanh tịnh có mười một việc thành phạm và sáu việc không phạm giống như vậy.

*Học Xứ Thứ Tư: GIAO DỊCH VỚI NAM TỬ CÓ TÂM NHIỆM*

Duyên khởi và nơi chôn giống như giới trước, lúc đó trong thành có một nam tử bán hương tướng mạo đoan nghiêm, khi ni Châu-kế-Nan- đà đến mua các tạp vật vừa thấy nam tử này liền khởi tâm dục, nam tử này nhìn thấy cô cũng có ý nhiễm, cho nên lấy ít tiền mà đưa cho nhiều hàng hóa. Các ni khác cần mua thứ gì thấy vậy đều dựa vào Châu-kế- Nan-đà để làm việc giao dịch. Các Bí-sô ni đem việc này bạch các Bí- sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật do việc này nhóm họp các Bí-sô ni hỏi sự thật, quả trách rồi chế học xứ này như sau:

Nếu lại có Bí-sô ni có tâm nhiễm đến chỗ người nam cũng có tâm nhiễm, cùng nhau đón nhận để theo lấy vật gì thì phạm Tăng-già-phạt- thi-sa .

Nếu lại có Bí-sô ni là chỉ cho Châu-kế-Nan-đà hoặc ni khác giống như vậy. Cùng có tâm nhiễm là cả hai nhiễm ái nhau, nếu cả hai đều có tâm nhiễm mà theo nhận lấy vật gì đều phạm chúng giáo. Nếu ni có tâm nhiễm, người nam không có tâm nhiễm thì phạm Tốt-thổ-la-để; nếu ni không có tâm nhiễm, người nam có tâm nhiễm thì phạm Ác-tác; nếu cả hai đều không có tâm nhiễm cũng phạm Ác-tác vì không cho giao dịch với người như thế.

